

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Bản mô tả chương trình đào tạo
Thạc sĩ ngành Nhi khoa cập nhật năm 2024

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC

Căn cứ Nghị định số 31/CP ngày 04/4/1994 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 08/QĐ-HĐTTĐHYD ngày 10/8/2020 của Hội đồng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 2502/QĐ-ĐHYD ngày 29/11/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy định rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật chương trình đào tạo;

Căn cứ Báo cáo kết quả rà soát, đánh giá chương trình đào tạo Thạc sĩ ngành Nhi khoa ban hành kèm theo Công văn số 624/ĐHYD-TTKT ngày 18/6/2024;

Căn cứ Biên bản cuộc họp của Hội đồng Khoa học và Đào tạo trường Trường ĐHYD ngày 01/8/2024,

Xét đề nghị của Trường phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Bản mô tả chương trình đào tạo Thạc sĩ ngành Nhi khoa cập nhật năm 2024 (kèm theo).

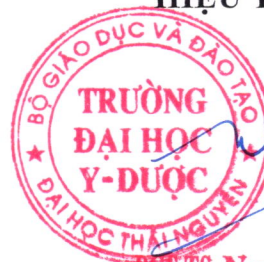
Điều 2. Các Ông (Bà) Trưởng các phòng, khoa, bộ môn liên quan tổ chức xây dựng đề cương chi tiết các học phần thuộc chương trình đào tạo; áp dụng từ năm học 2024-2025.

Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng các phòng, khoa, bộ môn liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu (để b/c);
- Như Điều 3;
- Website trường;
- Lưu: VT, ĐT, MC.

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Nguyễn Tiến Dũng

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC



**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
THẠC SĨ NGÀNH NHI KHOA**

THÁI NGUYÊN, NĂM 2024

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ NGÀNH NHI KHOA

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1426/QĐ-ĐHYD ngày 02 tháng 8 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên)*

I. Thông tin chung (General Information)

1. Tên trường/cơ sở cấp bằng: Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên.
2. Cơ sở đào tạo, giảng dạy: Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên.
3. Tên chương trình đào tạo
 - Tên tiếng Việt: Thạc sĩ ngành Nhi khoa
 - Tên tiếng Anh: Master of Pediatric
4. Thông tin về kiểm định: Trường đã được cấp Giấy chứng nhận cơ sở giáo dục đạt tiêu chuẩn chất lượng theo Quyết định số 140/QĐ-HĐKĐCLGD ngày 14/06/2023 của Giám đốc Trung tâm kiểm định chất lượng - Hiệp hội Các trường Đại học cao đẳng Việt Nam.
5. Trình độ đào tạo: Thạc sĩ
6. Ngành đào tạo: Nhi khoa
7. Mã ngành đào tạo: 8720106
8. Thời gian đào tạo: 2 năm
9. Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt
10. Hình thức đào tạo: Tập trung
11. Loại chương trình đào tạo: Định hướng ứng dụng
12. Danh hiệu văn bằng
 - Tên tiếng Việt: Thạc sĩ ngành Nhi khoa
 - Tên tiếng Anh: Master of Pediatric

II. Mục tiêu của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo Thạc sĩ có kiến thức khoa học cơ bản vững chắc, kiến thức chuyên ngành sâu, rộng, kiến thức nghiên cứu khoa học hệ thống; có kỹ năng thực hành chuyên môn dựa vào bằng chứng; chủ động giải quyết thành thạo những vấn đề chuyên môn cơ bản thuộc ngành Nhi khoa.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo (1-2 năm) người học đạt được các mục tiêu sau:	Phù hợp		
		Sứ mạng	Tâm nhìn	Luật Giáo dục Đại học
I. Kiến thức				
PEO 1	Có kiến thức thực tế, kiến thức lý thuyết sâu, rộng ở mức độ làm chủ kiến thức trong phạm vi của ngành Nhi khoa.	x	x	x
II. Kỹ năng				
PEO 2	Có khả năng thực hiện hiệu quả một số thủ thuật, kỹ thuật; các kỹ năng chỉ định xét nghiệm, chẩn đoán, điều trị, tiên lượng, dự phòng và xử trí cấp cứu các bệnh thường gặp thuộc ngành Nhi khoa.	x	x	x
PEO 3	Có khả năng giao tiếp, truyền đạt và phối hợp chuyên nghiệp với người bệnh, người nhà bệnh nhân và đồng nghiệp để triển khai các hoạt động chuyên môn.	x	x	x
PEO 4	Có khả năng độc lập trong nghiên cứu khoa học và thiết lập nhóm nghiên cứu trong thực hành và phát triển nghề nghiệp.	x	x	x
III. Mức tự chủ và trách nhiệm				
PEO 5	Có khả năng chịu trách nhiệm cá nhân trước các quyết định chuyên môn và ứng xử nghề nghiệp; chủ động học tập nghiên cứu, quản lý, hướng dẫn, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn nghề nghiệp.	x	x	x

III. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và thang đo năng lực

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)	Trình độ năng lực	Chuẩn đầu ra chung	Chuẩn đầu ra chuyên biệt
1	Kiến thức			
PLO 1	Vận dụng được kiến thức về triết học, quản lý bệnh viện, phương pháp luận nghiên cứu khoa học và phương pháp dạy học lâm sàng trong thực hành nghề nghiệp.	4/6	x	
PLO 2	Vận dụng hiệu quả kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành để chẩn đoán, điều trị, theo dõi, tiên lượng và dự phòng các bệnh thường gặp thuộc ngành Nhi khoa.	4/6	x	x
2	Kỹ năng			
PLO3	Thực hiện thành thạo hỏi bệnh, khám bệnh, đánh giá sự tăng trưởng và phát triển ở trẻ em.	4/6		x
PLO 4	Chỉ định và phân tích đúng kết quả cận lâm sàng phục vụ chẩn đoán, điều trị, theo dõi, tiên lượng một số cấp cứu và các bệnh thường gặp thuộc ngành Nhi khoa.	4/5		x
PLO 5	Thực hiện được kỹ năng chẩn đoán, điều trị, theo dõi sau điều trị, tiên lượng và dự phòng một số cấp cứu và các bệnh thường gặp thuộc ngành Nhi khoa.	4/5		x
PLO 6	Thực hiện được một số thủ thuật, kỹ thuật cơ bản trong chẩn đoán, điều trị một số cấp cứu và các bệnh Nhi khoa thường gặp.	4/5		x
PLO 7	Giao tiếp, truyền đạt và phối hợp chuyên nghiệp với người bệnh, người nhà bệnh nhân và đồng nghiệp để triển khai các hoạt động chuyên môn nghề nghiệp.	4/5	x	
PLO 8	Thực hiện độc lập các chuyên đề và đề tài nghiên cứu khoa học; sử dụng được phần mềm thống kê ứng dụng trong nghiên cứu khoa học, thực hành chăm sóc dựa vào bằng chứng thuộc ngành Nhi khoa.	3/5	x	x
3	Mức tự chủ và chịu trách nhiệm			

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)	Trình độ năng lực	Chuẩn đầu ra chung	Chuẩn đầu ra chuyên biệt
PLO 9	Hoàn toàn chịu trách nhiệm cá nhân trước các quyết định chuyên môn và ứng xử nghề nghiệp.	4/5	x	
PLO 10	Chủ động học tập, cập nhật, nghiên cứu và đưa ra những sáng kiến có giá trị thực tiễn, ý nghĩa khoa học trong ngành Nhi khoa	4/5	x	
PLO 11	Tự định hướng, quản lý, đánh giá, cải tiến các hoạt động chuyên môn và hướng dẫn được đồng nghiệp, người học.	4/5	x	

IV. Ma trận tương quan giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Mục tiêu chương trình đào tạo (PEO)	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)										
	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11
PEO 1	x	x									
PEO 2			x	x	x	x					
PEO 3					x	x	x				
PEO 4							x	x			
PEO 5									x	x	x

V. Thông tin tuyển sinh và điều kiện tốt nghiệp

1. Đối tượng và điều kiện dự tuyển

- Đã tốt nghiệp hoặc đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học ngành Y khoa.
- Có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc các chứng chỉ quốc tế tương đương.
- Lý lịch bản thân rõ ràng, không bị truy cứu hình sự.
- Có đủ sức khỏe để học tập (Theo Quy định hiện hành).
- Nộp hồ sơ, lệ phí đăng kí dự tuyển đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định.

2. Điều kiện tốt nghiệp

- Đã hoàn thành tất cả các học phần của chương trình đào tạo và bảo vệ đề án đạt yêu cầu, cụ thể:

+ Có điểm trung bình chung các học phần trong chương trình đào tạo đạt từ 5,5 trở lên (theo thang điểm 10) hoặc điểm C trở lên (theo thang điểm chữ)

+ Đề án được xếp loại đạt khi có điểm đánh giá lớn hơn hoặc bằng 5,5 điểm, trong đó điểm thành phần của mỗi thành viên trong hội đồng phải đạt từ 5,0 điểm trở lên.

- Có trình độ ngoại ngữ đạt yêu cầu theo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trước thời điểm xét tốt nghiệp; được minh chứng bằng một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 4 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ GD&ĐT hoặc các chứng chỉ quốc tế tương đương.

- Không trong thời gian chịu thi hành kỷ luật.

- Hoàn thành nghĩa vụ tài chính với Nhà trường.

VI. Cấu trúc chương trình (Curriculum Structure)

TT	Mã học phần/ Module	Tên học phần/Module	Tổng số tín chỉ (%)	Số giờ tín chỉ			Mã HP học trước	Mã HP tiên quyết	Mã HP SH	KH thuộc CTĐT
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
I	KIẾN THỨC CHUNG: 09 TC (15%)									
1.1	Học phần/module bắt buộc: 06 TC									
1	HCTH5013	Triết học	3 (3/0)	45	0	105				1
2	HCPP5013	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3 (2/1)	30	30	90				1
1.2.	Học phần tự chọn: 03 tín chỉ - chọn 1 trong 2 học phần									
3	HCPH5313	PP dạy /học lâm sàng	3 (1/2)	15	30	105				1
4	HCPA5113	Phương pháp sư phạm y học	3 (1/2)	15	30	105				1
II	KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH: 10 tín chỉ (16,7%)									
2.1	Học phần bắt buộc: 06 tín chỉ (10%)									
5	NOTM5212	Tai Mũi Họng	2 (1/1)	15	30	55				1
6	NOCĐ5212	Chẩn đoán hình ảnh	2 (1/1)	15	30	55				1
7	NOQL5212	Quản lý bệnh viện	2 (1/1)	15	30	55				1
2.2	Học phần tự chọn: 04 tín chỉ - chọn 02 trong 04 học phần									

TT	Mã học phần/ Module	Tên học phần/Module	Tổng số tín chỉ (%)	Số giờ tín chỉ			Mã HP học trước	Mã HP tiên quyết	Mã HP SH	KH thuộc CTĐT
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
8	NOTN5312	Truyền nhiễm	2 (1/1)	15	30	70				1
9	NODL5312	Da liễu	2 (1/1)	15	30	70				1
10	NOSL5312	Sinh lý bệnh- Miễn dịch	2 (2/0)	30	0	70				1
11	NOPT5312	Phôi thai	2 (2/0)	30	0	70				1
III	KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH: 33 tín chỉ (55%)									
3.1	Học phần bắt buộc: 21 tín chỉ (35%)									
12	NOSS5415	Sơ sinh - Cấp cứu	7 (3/4)	45	120	185				2
13	NODD5415	Dinh dưỡng- Tiêu hóa	7 (3/4)	45	120	185				2
14	NOTA5415	Tim mạch - Hô hấp	7 (3/4)	45	120	185				2-3
3.2	Học phần tự chọn: 12 tín chỉ - chọn 2 trong 4 học phần									
15	NOHH5515	Huyết học - Tiết niệu	6 (2/4)	30	120	150				3
16	NOTB5515	Tâm bệnh- Thần kinh	6 (2/4)	30	120	150				3
17	NONT5515	Nội tiết- chuyển hóa di truyền	6 (2/4)	30	120	150				3
18	NONN5515	Ngoại nhi	6 (2/4)	30	120	150				3
4	TỐT NGHIỆP: 8 tín chỉ (13,3%)									
19	NOLV5818	Đề án tốt nghiệp	8 (0/8)	0	240	160	HCPP 5013			2,3,4
Tổng số			60 (24/36)	345	1080	1575				

VII. Tiến trình dạy học

HK1	HCTH5013	HCPP5013	HCPH5313	HCPA5313
	NOTM5212	NOCĐ5212	NOQL5212	NOTN5312
	NODL5312	NOSL5312	NOPT5312	
HK2	NOSS5417	NDDS5417	NOTA5417	
	NOLV 5818			
HK3	NOHH5516	NOTB5516	NONT5516	NONN5516
	NOLV 5818			
HK4	NOLV 5818			

Ghi chú:

Khởi kiến thức cơ bản

Khởi kiến thức cơ sở ngành

Khởi kiến thức chuyên ngành

Đề án tốt nghiệp

VIII. Mức độ đóng góp của các học phần vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

TT	Mã HP	Chuẩn đầu ra của học phần (PLO)										
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	HCTH5013	M									M	M
2	HCPP5013	H							H		H	H
3	HCPH5113	H						M			M	H
4	HCPA5113	H						M			M	H
5	NOTM5212		M	M	M	M	M	M		M	M	M
6	NOCĐ5212		M		M	M				M	M	M
7	NOQL5212		M					M		M	M	M
8	NOTN5312		M	M	M	M	M	M		M	M	M
9	NODL5312		M	M	M	M	M	M		M	M	M
10	NOSL5312		M		M						M	
11	NOPT5312		M		M						M	
12	NOSS5417		H	H	H	H	H	H		H	H	H
13	NODD5417		H	H	H	H	H	H		H	H	H
14	NOTA5417		H	H	H	H	H	H		H	H	H
15	NOHH5516		H	H	H	H	H	H		H	H	H
16	NOTB5516		H	H	H	H	H	H		H	H	H
17	NONT5516		H	H	H	H	H	H		H	H	H
18	NONN5516		H	H	H	H	H	H		H	H	H
19	NOLV5818	M	M	M	M	M	M	M	H	H	H	H

IX. Ma trận tương quan giữa phương pháp dạy-học và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Phương pháp dạy/học	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)										
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
Tự đọc tài liệu	x	x	x						x	x	x
Thuyết trình	x	x					x	x	x	x	x
Bảng thảo luận nhóm	x	x	x	x	X	x	x	x	x	x	x
Bảng thao tác mẫu			x		x	x	x	x	x	x	x
Dựa trên bài tập tình huống		x		x	x		x		x	x	x
Nghiên cứu trường hợp	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
Dạy học qua đóng vai			x				x		x	x	x
Dạy – học bên giường bệnh			x	x	x	x	x		x	x	x
Dạy học bằng giao bài tập	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
Dạy – học qua cầm tay chỉ việc			x	x	x	x	x	x	x	x	x

X. Đánh giá kết quả học tập (Learning Assessment)

1. Hình thức, nội dung đánh giá

1.1. Đối với các HP cơ bản, cơ sở

Hình thức đánh giá	Nội dung đánh giá	Trọng số (%)
Chuyên cần	Đánh giá ý thức của người học thông qua điểm danh; mức độ hoàn thành bài tập; mức độ tự giác, chủ động tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến Qua hồ sơ học tập của người học (chỉ tiêu): ghi chép đầy đủ, trung thực.	10%
Thường xuyên	Tự luận hoặc MCQ	10%
Thi giữa kỳ	Giải quyết các tình huống lâm sàng (đánh giá theo đáp án) hoặc chấm tiểu luận	30%
Thi kết thúc học phần	- Kỹ năng viết và báo cáo chuyên đề (Đánh giá qua phiếu chấm của các thành viên của hội đồng). - Được thực hiện vào tuần cuối của mỗi học phần	50%

1.2. Đối với các HP chuyên ngành

Hình thức đánh giá	Nội dung đánh giá	Trọng số (%)
Chuyên cần	Đánh giá ý thức của người học thông qua điểm danh; mức độ hoàn thành bài tập; mức độ tự giác, chủ động tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến Qua hồ sơ học tập của người học (chỉ tiêu): ghi chép đầy đủ, trung thực.	10%
Thường xuyên	Giải quyết các tình huống lâm sàng (đánh giá theo đáp án)	10%
Thi giữa kỳ	Giải quyết các tình huống lâm sàng (đánh giá theo đáp án)	30%
Thi kết thúc học phần	- Kỹ năng viết và báo cáo chuyên đề (Đánh giá qua phiếu chấm của các thành viên của hội đồng) - Các kỹ năng thực hành: khám, chẩn đoán, điều trị, thủ thuật... trên người bệnh (Đánh giá dựa trên bảng kiểm). - Kỹ năng viết, báo cáo ca bệnh - Được thực hiện vào tuần cuối của mỗi học phần	50%

2. Ma trận tương quan giữa phương pháp đánh giá và chuẩn đầu ra CTĐT

Phương pháp đánh giá	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)										
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
Thi viết tự luận	x	x							x	x	x
Viết báo cáo	x	x	x	x	x			x	x	x	x
Quan sát			x	x	x	x	x	x	x	x	x
Giải quyết tình huống	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x
Hồ sơ học tập (Profile)			x	x	x			x	x	x	x
Viết báo cáo ca bệnh			x	x	x			x	x	x	x
Vấn đáp			x	x	x		x	x	x	x	x
Bảo vệ luận văn		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

XI. Đối sánh (Benchmarking)

1. Đối sánh với các chương trình đào tạo trong và ngoài nước

Mô tả	Trường ĐHYD Hải phòng (2022)		Trường ĐHYD Hà Nội (2023)		Trường ĐHYD Thành phố HCM (2022)		Trường ĐHYD Thái Nguyên (2024)	
	Đơn vị học trình	Tỉ lệ (%)	Đơn vị học trình	Tỉ lệ (%)	Đơn vị học trình	Tỉ lệ (%)	Tín chỉ	Tỉ lệ (%)
Kiến thức cơ bản	5	8,3%	7	11,6%	5	8,3%	9	15%
Kiến thức cơ sở ngành	10	16,6%	8	13,3%	8	13,3%	10	16,7%
Kiến thức chuyên ngành	27	45,1%	33	55%	23	38%	33	55%
Chuyên đề					12	20%		
Tự chọn	9	15%			15	25%	10	16,6%
Luận văn	9	15%	12	20%	12	20%	8	13,3%
Tổng	60	100%	60	100%	60	100%	60	100%

2. Kết quả khảo sát các bên liên quan

Các bên liên quan	Kết quả khảo sát	Nội dung xây dựng/cải thiện CTĐT
Chuyên gia y tế/giáo dục	- Cập nhật và tuân thủ quy định về hành nghề vào mục tiêu CTĐT. - Cách viết chưa tuân theo Hướng dẫn viết mục tiêu và chuẩn đầu ra tại Quyết định số 1212/QĐ-ĐHYD ngày 09/6/2024.	- Bổ sung nội dung CDR về an toàn người bệnh và sự cố y khoa. - Chính sửa lại mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT theo Hướng dẫn viết mục tiêu và chuẩn đầu ra tại Quyết định số 1212/QĐ-ĐHYD ngày 09/6/2024
Cựu học viên	Nên bỏ Học phần Thực tập tốt nghiệp vì chủ yếu hệ thống lại các nội dung đã học ở các môn trước đó; lấy số tín chỉ đó bổ sung cho các môn chuyên ngành	Đã bỏ học phần Thực tập tốt nghiệp cho phù hợp với góp ý của cựu người học và phù hợp với yêu cầu của Chuẩn CTĐT tại Thông tư 17/2021/BGDĐT
Nhà tuyển dụng	Nên tăng thời lượng cho các môn chuyên ngành Nhi khoa	Đã tăng thời lượng các môn chuyên ngành bắt buộc từ 5 lên 7 tín chỉ và tăng số tín chỉ tự chọn chuyên ngành từ 10 lên 12 tín chỉ
Giảng viên	- Xem xét chỉnh sửa mục tiêu 4, chuẩn đầu ra 4, 8 của CTĐT. - Cần giảm nhẹ yêu cầu của đề án tốt nghiệp so với luận văn và Phòng Đào tạo cần xây dựng hướng dẫn chi tiết hơn.	- Chính sửa lại mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT theo Hướng dẫn viết mục tiêu và chuẩn đầu ra tại Quyết định số 1212/QĐ-ĐHYD ngày 09/6/2024. - Yêu cầu của đề án tốt nghiệp thấp hơn so với yêu cầu của luận văn của CTĐT Bác sĩ nội trú Nhi khoa.
Học viên	- Giảm số tín chỉ môn Triết học - Trường nên sắp xếp các môn chung và môn cơ sở ngành học trong kỳ 1 của năm thứ nhất để dồn thời gian học các môn chuyên ngành năm các kỳ sau.	- Không thay đổi vì theo Quy định của Nhà nước. - Đã sắp xếp các môn chung và môn cơ sở ngành học trong kỳ 1 của năm thứ nhất.

XII. Mô tả tóm tắt các học phần/module thuộc chương trình đào tạo

A. Khởi kiến thức cơ bản

1. Học phần Triết học

Học phần triết học là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức cơ bản, được dạy - học ở kỳ học I của CTĐT. Học phần trang bị cho người học những hiểu biết căn bản, hệ thống về triết học nói chung và triết học Mác - Lênin nói riêng; hiểu được những giá trị và hạn chế trong lịch sử triết học phương Đông, phương Tây; hiểu được nội dung của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử; về mối quan hệ giữa triết học và khoa học; vai trò của khoa học công nghệ trong sự phát triển xã hội. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là phương pháp thuyết trình, thảo luận nhóm, nêu vấn đề, giao bài tập và tự học. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm kiểm tra tự luận và báo cáo chuyên đề. Học phần/module này đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO 1,10,11 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo thạc sĩ Nhi khoa.

2. Học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học

Học phần Phương pháp luận nghiên cứu khoa học thuộc khối kiến thức cơ bản, được dạy ở học kỳ I của chương trình đào tạo. Học phần này sẽ trang bị cho người học kiến thức cơ bản về vai trò, ý nghĩa của nghiên cứu khoa học trong thực hành nghề nghiệp, qui trình và các bước để tiến hành một nghiên cứu khoa học trong y học, các vấn đề về đạo đức nghiên cứu y sinh học trên đối tượng nghiên cứu là con người. Đồng thời, học phần này cũng rèn kỹ năng để học viên phát triển được đề cương nghiên cứu. Các phương pháp dạy học chủ yếu bao gồm: Thuyết trình ngắn, thảo luận nhóm, đọc và bình luận bài báo khoa học, làm bài tập nhóm và trình bày kết quả thảo luận. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm: hoàn thành chỉ tiêu theo các tình huống cụ thể; phát triển và trình bày đề cương nghiên cứu. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra chuẩn đầu ra 1,8, 10,11 (mức độ cao) của chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Nhi khoa.

3. Học phần Phương pháp dạy/học lâm sàng

Học phần Phương pháp dạy /học lâm sàng là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức cơ bản, được dạy - học ở kỳ học 1 của CTĐT. Học phần này sẽ trang bị cho người học phương pháp dạy-học lâm sàng để trở thành người giáo viên giảng dạy thực hành. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, làm mẫu, thảo luận nhóm, đóng vai, giao bài tập, tự học. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá người học bao gồm thảo luận nhóm, bài tập nhóm, trình bày bài giảng thử theo nhóm nhỏ. Phương pháp đánh giá người học thông qua quan sát thực hành giảng, hồ sơ học tập và đánh giá ý thức, thái độ tham gia học tập của người học. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 7,10 (mức độ trung bình), chuẩn đầu ra 1,11 (mức độ cao) của chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Nhi khoa.

4. Học phần Phương pháp sư phạm y học

Học phần Phương pháp sư phạm y học là học phần tự chọn, thuộc khối kiến thức cơ bản, được dạy - học ở kỳ học 1 của CTĐT. Học phần này sẽ trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng sư phạm y học để người học có đủ năng lực tham gia công tác đào tạo tại các cơ sở y tế nơi người học công tác. Học phần cũng sẽ cung cấp kiến thức, kỹ năng giảng dạy, nghiệp vụ sư phạm trong y học, giúp người học nhận thức được tầm quan trọng của hoạt động đào tạo cho cán bộ y tế - người sẽ tham gia hoạt động đào tạo nhằm bổ sung và nâng cao chất lượng chuyên môn cho các cán bộ y tế khác. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, bài tập nhóm, cầm tay chỉ việc/bảng kiểm đóng vai. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm đánh giá

chuyên cần, bài tập cá nhân/nhóm, bảng kiểm. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 7, 10 (mức độ trung bình), chuẩn đầu ra 1,11 (mức độ cao) của chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Nhi khoa.

B. Khối kiến thức cơ sở và hỗ trợ

5. Học phần Tai mũi họng

Học phần Tai – Mũi – Họng là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành và hỗ trợ, được dạy - học ở kỳ học 1 của CTĐT. Học phần này sẽ củng cố và nâng cao cho người học kiến thức về chẩn đoán và điều trị các bệnh Tai – Mũi – Họng ở trẻ em. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, nghiên cứu trường hợp, tự học, giao bài tập, dạy học bên giường bệnh. Phương pháp đánh giá người học thông qua giải quyết các tình huống lâm sàng, viết báo cáo chuyên đề, đánh giá ý thức, thái độ tham gia học tập của người học. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 2,3,4,5,6,7,9,10,11 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Nhi khoa.

6. Học phần Chẩn đoán hình ảnh

Học phần Chẩn đoán hình ảnh là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành và hỗ trợ, được dạy - học ở kỳ học 1 của CTĐT. Học phần này sẽ trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng về chẩn đoán, hình ảnh các bệnh lý Nhi khoa. Học phần còn trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng trong hướng dẫn đồng nghiệp, năng lực thảo luận, làm việc nhóm để rèn luyện mức tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong thực hành nghề nghiệp. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận, giao ban, đọc phim ca lâm sàng, phân tích tổn thương trên hình ảnh. Phương pháp đánh giá người học thông qua quan sát, vấn đáp các tình huống lâm sàng, viết báo cáo chuyên đề, đánh giá ý thức, thái độ tham gia học tập của người học. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 2,3,4,5,9,10,11 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Nhi khoa.

7. Học phần Quản lý bệnh viện

Học phần Quản lý bệnh viện là học phần bắt buộc thuộc kiến thức cơ sở ngành và hỗ trợ, được dạy ở học kỳ 1 của CTĐT. Học phần này sẽ trang bị cho người học kiến thức về quản lý bệnh viện cơ bản (quy trình quản lý bệnh viện của Việt Nam: dòng bệnh nhân, dòng quản lý, tổ chức hoạt động bệnh viện trong cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước, làm quen với quản lý ở cấp khoa phòng hoặc bệnh viện quy mô nhỏ). Học phần cũng trang bị cho học viên các kỹ năng cơ bản về thực hiện quản lý có hiệu quả nhân lực, tài chính, vật tư và trang thiết bị, công tác dược, kiểm soát nhiễm khuẩn, nguy cơ... ở bệnh viện tuyến huyện, tỉnh. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, nghiên cứu văn bản, thực hành quan sát, thảo luận với các cán bộ quản lý của bệnh viện, nghiên cứu các báo cáo của khoa, phòng bệnh viện khi đi thực tế bệnh viện. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá người học bao gồm đánh giá chuyên cần, tự luận, báo cáo chuyên đề. Học phần này nhằm đáp ứng CDR 2,7,9,10,11 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Nhi khoa.

8. Học phần Truyền nhiễm

Học phần Truyền nhiễm là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở và hỗ trợ, được dạy - học ở kỳ học 1 của CTĐT. Học phần này sẽ củng cố và nâng cao cho người học kiến thức về chẩn đoán và điều trị các bệnh truyền nhiễm ở trẻ em. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, dạy học bên giường bệnh, hướng dẫn tự học, giao bài tập. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm phương pháp trắc nghiệm; giải quyết tình huống; viết, báo cáo chuyên đề và đánh giá ý thức, thái độ tham gia học tập của người học. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 2,3,4,5,6,7,9,10,11 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Nhi khoa..

9. Học phần Da liễu

Học phần Da liễu là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở và hỗ trợ, được dạy - học ở kỳ học 1 của CTĐT. Học phần này sẽ củng cố và nâng cao cho người học kiến thức về chẩn đoán và điều trị các bệnh da liễu ở trẻ em. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, dạy học bên giường bệnh, giao bài tập, hướng dẫn tự học. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm phương pháp tự luận; vấn đáp giải quyết tình huống lâm sàng; viết, báo cáo chuyên đề và đánh giá ý thức, thái độ tham gia học tập của người học. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 2,3,4,5,6,7,9,10,11 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Nhi khoa.

10. Học phần Sinh lý bệnh-Miễn dịch

Học phần Sinh lý bệnh – Miễn dịch là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở và hỗ trợ, được dạy - học ở kỳ học 1 của CTĐT. Học phần này sẽ củng cố và nâng cao cho người học kiến thức sinh lý bệnh miễn dịch. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, dạy học dựa trên vấn đề, giao bài tập, hướng dẫn tự học. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm phương pháp trắc nghiệm, chấm tiểu luận, chuyên đề. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 2,4,10 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Nhi khoa.

11. Học phần Phôi thai học

Học phần Phôi thai học là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở và hỗ trợ, được dạy - học ở kỳ học 1 của CTĐT. Học phần này sẽ củng cố và nâng cao cho người học kiến thức về phôi thai học. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, dạy học dựa trên vấn đề, giao bài tập, hướng dẫn tự học. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm phương pháp trắc nghiệm, chấm tiểu luận, chuyên đề. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 2,4,10 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Nhi khoa.

C. Khối học phần chuyên ngành

12. Học phần Sơ sinh -Cấp cứu

Học phần Sơ sinh - cấp cứu là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành được dạy-học ở kỳ học 2 trong chương trình đào tạo. Học phần này trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng phân loại, chẩn đoán, xử trí, theo dõi, tiên lượng, dự phòng và thực hiện một số thủ thuật, kỹ thuật sơ sinh - cấp cứu Nhi khoa thường gặp. Đồng thời người học cũng được trang bị kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, tự chủ, tự chịu trách nhiệm về năng lực của mình trong hoạt động chuyên môn, nghề nghiệp. Phương pháp dạy-học chủ yếu bằng thuyết trình, giao bài tập, tự đọc tài liệu, thảo luận nhóm, thao tác mẫu, nghiên cứu trường hợp, đóng vai, dạy-học bên giường bệnh, dạy-học qua

cầm tay chỉ việc. Phương pháp lượng giá người học thông qua quan sát, giải quyết các tình huống lâm sàng, viết báo cáo chuyên đề, hồ sơ học tập, vấn đáp tình huống trên bệnh nhân, thực hành thủ thuật có bảng kiểm, đánh giá ý thức, thái độ tham gia học tập của người học. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 2,3,4,5,6,7,9,10,11 (mức độ cao) của chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Nhi khoa.

13. Học phần Dinh dưỡng-Tiêu hóa

Học phần Dinh dưỡng-Tiêu hóa là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành được dạy-học ở kỳ học 2 trong chương trình đào tạo. Học phần này trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng chẩn đoán, xử trí, theo dõi, tiên lượng, dự phòng và thực hiện một số thủ thuật, kỹ thuật Dinh dưỡng-Tiêu hóa thường gặp. Đồng thời người học cũng được trang bị kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, tự chủ, tự chịu trách nhiệm về năng lực của mình trong hoạt động chuyên môn, nghề nghiệp. Phương pháp dạy-học chủ yếu bằng thuyết trình, giao bài tập, tự đọc tài liệu, thảo luận nhóm, thao tác mẫu, nghiên cứu trường hợp, đóng vai, dạy-học bên giường bệnh, dạy-học qua cầm tay chỉ việc. Phương pháp lượng giá người học thông qua quan sát, giải quyết các tình huống lâm sàng, viết báo cáo chuyên đề, hồ sơ học tập, vấn đáp tình huống trên bệnh nhân, thực hành thủ thuật có bảng kiểm, đánh giá ý thức, thái độ tham gia học tập của người học. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 2,3,4,5,6,7,9,10,11 (mức độ cao) của chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Nhi khoa.

14. Học phần Tim mạch-Hô hấp

Học phần Tim mạch-Hô hấp là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành được dạy-học ở kỳ học 2-3 trong chương trình đào tạo. Học phần này trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng chẩn đoán, xử trí, theo dõi, tiên lượng, dự phòng và thực hiện một số thủ thuật, kỹ thuật Tim mạch-Hô hấp thường gặp. Đồng thời người học cũng được trang bị kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, tự chủ, tự chịu trách nhiệm về năng lực của mình trong hoạt động chuyên môn, nghề nghiệp. Phương pháp dạy-học chủ yếu bằng thuyết trình, thảo luận nhóm, nghiên cứu trường hợp, đóng vai, dạy-học bên giường bệnh, dạy-học bằng bảng kiểm. Phương pháp dạy-học chủ yếu bằng thuyết trình, giao bài tập, tự đọc tài liệu, thảo luận nhóm, thao tác mẫu, nghiên cứu trường hợp, đóng vai, dạy-học bên giường bệnh, dạy-học qua cầm tay chỉ việc. Phương pháp lượng giá người học thông qua quan sát, giải quyết các tình huống lâm sàng, viết báo cáo chuyên đề, hồ sơ học tập, vấn đáp tình huống trên bệnh nhân, thực hành thủ thuật có bảng kiểm, đánh giá ý thức, thái độ tham gia học tập của người học. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 2,3,4,5,6,7,9,10,11 (mức độ cao) của chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Nhi khoa.

15. Học phần Huyết học-Tiết niệu

Học phần Huyết học-Tiết niệu là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành được dạy-học ở kỳ học 3 trong chương trình đào tạo. Học phần này trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng chẩn đoán, xử trí, theo dõi, tiên lượng, dự phòng và thực hiện một số thủ thuật, kỹ thuật Huyết học-Tiết niệu thường gặp. Đồng thời người học cũng được trang bị kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, tự chủ, tự chịu trách nhiệm về năng lực của mình trong hoạt động chuyên môn, nghề nghiệp. Phương pháp dạy-học chủ yếu bằng thuyết trình, thảo luận nhóm, nghiên cứu trường hợp, đóng vai, dạy-học bên giường bệnh, dạy-học bằng bảng kiểm. Phương pháp dạy-học chủ yếu bằng thuyết trình, giao bài tập, tự đọc tài liệu, thảo luận nhóm, thao tác mẫu, nghiên cứu trường hợp, đóng vai, dạy-học bên giường bệnh, dạy-học qua cầm tay chỉ việc. Phương pháp lượng

giá người học thông qua quan sát, giải quyết các tình huống lâm sàng, viết báo cáo chuyên đề, hồ sơ học tập, vấn đáp tình huống trên bệnh nhân, thực hành thủ thuật có bảng kiểm, đánh giá ý thức, thái độ tham gia học tập của người học. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 2,3,4,5,6,7,9,10,11 (mức độ cao) của chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Nhi khoa.

16. Học phần Tâm bệnh-Thần kinh

Học phần Tâm bệnh-Thần kinh là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành được dạy-học ở kỳ học 3 trong chương trình đào tạo. Học phần này trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng chẩn đoán, xử trí, theo dõi, tiên lượng, dự phòng và thực hiện một số thủ thuật, kỹ thuật Tâm bệnh-Thần kinh thường gặp. Đồng thời người học cũng được trang bị kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, tự chủ, tự chịu trách nhiệm về năng lực của mình trong hoạt động chuyên môn, nghề nghiệp. Phương pháp dạy-học chủ yếu bằng thuyết trình, thảo luận nhóm, nghiên cứu trường hợp, đóng vai, dạy-học bên giường bệnh, dạy-học bằng bảng kiểm. Phương pháp dạy-học chủ yếu bằng thuyết trình, giao bài tập, tự đọc tài liệu, thảo luận nhóm, thao tác mẫu, nghiên cứu trường hợp, đóng vai, dạy-học bên giường bệnh, dạy-học qua cầm tay chỉ việc. Phương pháp lượng giá người học thông qua quan sát, giải quyết các tình huống lâm sàng, viết báo cáo chuyên đề, hồ sơ học tập, vấn đáp tình huống trên bệnh nhân, thực hành thủ thuật có bảng kiểm, đánh giá ý thức, thái độ tham gia học tập của người học. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 2,3,4,5,6,7,9,10,11 (mức độ cao) của chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Nhi khoa.

17. Học phần Nội tiết- Chuyển hóa di truyền

Học phần Nội tiết-Chuyển hóa di truyền là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành được dạy-học ở kỳ học 3 trong chương trình đào tạo. Học phần này trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng chẩn đoán, xử trí, theo dõi, tiên lượng, dự phòng và thực hiện một số thủ thuật, kỹ thuật Nội tiết-Chuyển hóa di truyền thường gặp. Đồng thời người học cũng được trang bị kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, tự chủ, tự chịu trách nhiệm về năng lực của mình trong hoạt động chuyên môn, nghề nghiệp. Phương pháp dạy-học chủ yếu bằng thuyết trình, giao bài tập, tự đọc tài liệu, thảo luận nhóm, thao tác mẫu, nghiên cứu trường hợp, đóng vai, dạy-học bên giường bệnh, dạy-học qua cầm tay chỉ việc. Phương pháp lượng giá người học thông qua quan sát, giải quyết các tình huống lâm sàng, viết báo cáo chuyên đề, hồ sơ học tập, vấn đáp tình huống trên bệnh nhân, thực hành thủ thuật có bảng kiểm, đánh giá ý thức, thái độ tham gia học tập của người học. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 2,3,4,5,6,7,9,10,11 (mức độ cao) của chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Nhi khoa.

18. Học phần Ngoại Nhi

Học phần Ngoại Nhi là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành được dạy-học ở kỳ học 3 trong chương trình đào tạo. Học phần này sẽ trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng về chẩn đoán, điều trị, theo dõi sau điều trị, tiên lượng các bệnh lý Ngoại nhi. Học phần còn trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng trong hướng dẫn đồng nghiệp, năng lực thảo luận, làm việc nhóm để rèn luyện mức tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong thực hành nghề nghiệp. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận, giao ban, đi buồng, ca lâm sàng, hướng dẫn phẫu thuật/ thủ thuật/kỹ thuật về Ngoại nhi trên bệnh nhân. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá người học bao gồm MCQ, tiểu luận, báo cáo chuyên đề, bệnh án, chỉ tiêu lâm sàng, thi kỹ năng

thực hành trên người bệnh. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 2,3,4,5,6,7,9,10,11 (mức độ cao) của chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Nhi khoa.

19. Đề án tốt nghiệp

Đề án tốt nghiệp là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được dạy - học ở kỳ học 2,3 và 4 của chương trình đào tạo. Học phần này sẽ giúp cho người học củng cố kiến thức, kỹ năng của khối kiến thức cơ bản, cơ sở ngành và chuyên ngành nhằm đáp ứng tất cả các chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, tự đọc tài liệu, giao bài tập, dạy học nhóm nhỏ, dạy - học dựa trên vấn đề, dạy - học theo nghiên cứu trường hợp, viết báo cáo luận văn. Học viên sẽ được đánh giá thông qua hội đồng đánh giá luận văn thạc sĩ. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 1,2,3,4,5,6,7 (mức độ trung bình), chuẩn đầu ra 8,9,10,11 (mức độ cao) của chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Nhi khoa.

XIII. Đội ngũ giảng viên và cơ sở vật chất phục vụ chương trình đào tạo

Đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy chương trình Thạc sĩ Nhi khoa gồm 36 giảng viên cơ hữu (1 giáo sư, 8 phó giáo sư, 18 tiến sĩ, 9 BS CKII) và 18 giảng viên thỉnh giảng (2 PGS, 14 tiến sĩ, 12 BS CKII. Người học học lý thuyết tại giảng đường, học thực hành tại các phòng thí nghiệm, bệnh viện thực hành như: Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên, Bệnh viện A Thái Nguyên, Bệnh viện Nhi Trung ương và các bệnh viện thực hành khác.

Trường Đại học Y- Dược, Đại học Thái Nguyên có hệ thống giảng đường và phòng học có 54 phòng (10.549 m²), bệnh viện thực hành (5.020 m²), hội trường và thư viện (1.665 m²), nhà làm việc và các phòng nghiên cứu cho đội ngũ cán bộ giảng viên (3.560 m²), luyện tập thể dục thể thao (2.319 m²). Hệ thống phòng học lý thuyết của Trường (trong đó có 04 phòng học thông minh, đa phương tiện) tại các khu giảng đường A, B, C được trang bị đủ thiết bị hỗ trợ giảng dạy: máy chiếu, hệ thống âm thanh, ánh sáng, thông gió và lắp đặt các thiết bị an toàn, phòng chống cháy nổ. Các phòng thực hành đào tạo kiến thức cơ bản, cơ sở ngành tại Nhà thực hành thí nghiệm 8 tầng gồm 14 phòng thực hành (4.320m²), được trang bị hệ thống hút khí thải, xử lý chất thải, ánh sáng, hệ thống PCCC tự động. Số lượng phòng học, phòng thực hành, phòng nghiên cứu khá hiện đại, đáp ứng được yêu cầu học tập và tự nghiên cứu cho người học thạc sĩ Nhi khoa.

Thư viện, phòng đọc có diện tích 1365m² có đủ thiết bị cơ bản như bàn, ghế, hệ thống làm mát, chiếu sáng, máy tính nối mạng internet, phần mềm tra cứu đáp ứng nhu cầu của độc giả để học tập và hoạt động nghiên cứu. Thư viện điện tử Trường <http://thuvien.tump.edu.vn>, có trên 12 nghìn biểu ghi, được tích hợp (cả điện tử và số) vào phần mềm Elib phục vụ tra cứu online các tài liệu bản in như: sách, luận văn, luận án, khóa luận. Thư viện có liên kết: Trung tâm học liệu của Đại học Thái Nguyên (<http://lrc.tnu.edu.vn>); Thư viện điện tử Trường ĐHYD Thành phố Hồ Chí Minh và Trường ĐHYD - Đại học Huế. Thư viện có đầy đủ sách giáo trình, tài liệu tham khảo phục vụ cho việc NCKH, giảng dạy và học tập của độc giả là CBVC, GV và học viên cho chương trình đào tạo Thạc sĩ Nhi khoa.

Hệ thống CNTT được trang bị đầy đủ và cập nhật để hỗ trợ hoạt động đào tạo, đào tạo trực tuyến và NCKH cho Trường. Máy vi tính được nối mạng nội bộ và mạng Internet, lắp đặt tại phòng thực hành tin học, phòng thi trắc nghiệm, phòng đọc thư viện, các phòng chức năng, khoa và các bộ môn bảo đảm đủ phục vụ cho giảng viên và người học.

Các đơn vị thành viên của Đại học Thái Nguyên đều được trang bị rất nhiều phương tiện hỗ trợ dạy học và nghiên cứu khoa học như phòng máy tính đa năng, hệ thống đường truyền kết nối internet đến từng phòng học và phòng thí nghiệm - thực hành. Phòng thí nghiệm và thực hành được trang bị thiết bị phục vụ học tập và nghiên cứu (máy vi tính, máy chiếu projector, các thiết bị phục vụ thực tế chuyên môn). Cơ sở thực hành lâm sàng ngành Nhi khoa của Trường Đại học Y- Dược Thái Nguyên tại các bệnh viện: Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên, Bệnh viện A Thái Nguyên, Bệnh viện Nhi Trung ương khá đầy đủ về cơ sở vật chất, trang thiết bị, nguồn nhân lực đáp ứng được yêu cầu đào tạo thạc sĩ Nhi khoa.

XIV. Tiến trình cập nhật

TT	Tóm tắt nội dung cập nhật	Ngày cập nhật	Tổ trưởng tổ rà soát	Trưởng khoa/Bộ môn
1	Sửa lại khung CTĐT ngành Nhi khoa trình độ Thạc sĩ ban hành	2019	Phòng đào tạo	Nguyễn Thị Xuân Hương
2	Sửa lại mục tiêu, chuẩn đầu ra, mã HP và rà soát các nội dung liên quan đến CDR theo hướng dẫn Công văn số 1398/ĐHYD-TTKT	6/10/2021	Phòng đào tạo	Nguyễn Thị Xuân Hương
3	Sửa lại khung CTĐT ngành Nhi khoa trình độ Thạc sĩ ban hành tại Quyết định số 401/QĐ-ĐHYD ngày 28/2/2022	28/2/2022	Nguyễn Quang Mạnh	Nguyễn Thị Xuân Hương
4	Sửa lại mục tiêu, CDR theo hướng dẫn xây dựng mục tiêu, CDR các mã ngành SĐH số 1212/ ĐHYD ngày 9/ 6/2023. Bỏ học phần Thực tập tốt nghiệp, tăng thời lượng các học phần chuyên ngành bắt buộc từ 05 lên 07 tín chỉ. Tăng thời lượng các học phần tự chọn chuyên ngành từ 10 lên 12 tín chỉ	12/6/2024	Nguyễn Phương Sinh	Nguyễn Thị Xuân Hương

XV. Ngày phê duyệt: 01/8/2024

XVI. Thành phần phê duyệt

Tổ rà soát
(Ký, ghi rõ họ tên)



Phạm Tuấn Vũ

**Hội đồng thẩm định
khoa/bộ môn**
(Ký, ghi rõ họ tên)



Nguyễn Thị Xuân Hương

Phòng Đào tạo
(Ký, ghi rõ họ tên)



Nguyễn Quang Mạnh

**Chủ tịch Hội đồng
KH&ĐT Trường**
(Ký, ghi rõ họ tên)



Nguyễn Tiến Dũng

